

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK3+P8	7:25	2+20	0+0		0+20	0+0	
2		BK19+MRM	7:25	4+16	0+0		0+21	0+0	CHUYEN 1
3		PVD8+SAVR	7:25	13+7	0+0		13+6	0+0	PVD8-SAVR
4		TD5+PVD8	7:25	5+16	0+0		5+14	0+0	CHUYEN 1 TD5 PVD8
5		PVD8	9:25	22	0		19	0	
6		TTCl+P4+MRM	9:25	8+4+8	0+0+0		5+0+10	0+0+0	
7		BK15+TTC2	9:25	12+8	0+0		8+5	0+0	
8		BK21+TD2	9:25	4+18	0+0		3+18	0+0	CHUYEN 1
9		CTK3+BK19+TD2	11:45	10+0+11	0+0+0		1+3+13	0+0+0	CHUYEN 1 BK19-TD2
10		PVD8+P8	11:45	15+3	0+0		5+5	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY P8-ING, BK19-3NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: BK3 - P8	CREW: NAM - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1011	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG THANH TUYEN	BK3	87-88	2	14			77	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN DAT	BK3	85	1	11	1	14	77	CODIEN	Vietnamese
3	ĐINH QUANG TRUNG	P8	17	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HOANG LONG	P8	18	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO VAN ĐON	P8	19	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN CHAU NAM	P8	16	1	14			88	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN TÂN	P8	13	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH TRI	P8	20	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TU THANG	P8	14-15	2	12			63	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGOC ANH CHIEN	P8	31-32	2	17			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU DUNG	P8	23	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THE CHINH	P8	28	1	11			59	KH-THAC	Vietnamese
13	KARAMARENKO V	P8						65	KH-THAC	Russian
14	NGUYEN XUAN NHAN	P8	29-30	2	8			72	YTE	Vietnamese
15	VU DUY TRUONG	P8	21	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ CHÈ LINH	P8	27	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN CÔNG TÍNH	P8	25	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN BA DAT	P8	26	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LOI	P8						68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH VINH	P8	22	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM VU NHAT QUANG	P8	33	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET HOA	P8	24	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	2	154	3	25	1	14	0		
2	P8	20	1.389	21	137	0	0	20		
TOTAL		22	1.543	24	162	1	14	20		
WEIGHT KG			1.543		162		14			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: VANG-1	TO: BK19 - MRM	CREW: KHOÀN - N.CƯỜNG - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1007	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN DUONG HOE	BK19	77	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG THANH TRUNG	BK19						75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH DUNG	BK19				1	2	95	KH-THAC	Vietnamese
4	YUSUPOV DMITRY	BK19						75	KH-THAC	Russian
5	EREMEEV EVGENII	MRM	53	1	17			98	KHOAN	Russian
6	BARANOVSKII ANDREI	MRM	32	1	11			60	AMHGP	Russian
7	TIKHONOV EVGENY	MRM						109	AMHGP	Russian
8	KOTIKOV ALEXEY	MRM	43-44	2	17			110	AMHGP	Russian
9	NHÂM ĐỨC TUAN	MRM	54	1	14			70	DVL	Vietnamese
10	SHAKIN MIKHAIL	MRM	34-35	2	20			84	AMHGP	Russian
11	ZHELEZNIK EVGENII	MRM	46-47	2	16			90	AMHGP	Russian
12	LYAKHNOVICH LEONID	MRM	36	1	12			84	AMHGP	Russian
13	GOLUBEV ALEKSANDR	MRM	31	1	8			91	AMHGP	Russian
14	KAREBIN SPARTAK	MRM	37-38	2	15			104	AMHGP	Russian
15	KHATIPOV RUSLAN	MRM	41-42	2	17			75	AMHGP	Russian
16	NIKOLAEV OLEG	MRM	50-51	2	12			85	AMHGP	Russian
17	BUI BACH DUONG	MRM						73	DVL	Vietnamese
18	KOVALCHUK MIKHAIL	MRM	39-40	2	16			97	AMHGP	Russian
19	CHEBYKIN KONSTANTIN	MRM	33	1	7			86	AMHGP	Russian
20	TRON KIRILL	MRM	48-49	2	15			87	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	4	317	1	6	1	2	0		
2	MRM	16	1.403	22	197	0	0	21		
TOTAL		20	1.720	23	203	1	2	21		
WEIGHT KG			1.720		203		2			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: PVD8 - SAVR	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1014	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI QUỐC THỦ	PVD8	11	1	10			64	PVD DD	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH TUẤN	PVD8	12	1	9			51	PVD DD	Vietnamese
3	JOHN WILLIAM MURDOCH	PVD8	10	1	5			118	PVD DD	British
4	ĐỖ ĐỨC NGỌC	PVD8	13	1	9			70	PVDWS	Vietnamese
5	BUI ANH PHƯƠNG	PVD8	14	1	8			69	PVDWS	Vietnamese
6	LY BĂNG	PVD8	22	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRỌNG LINH	PVD8	16	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HOÀNG	PVD8	15	1	7			96	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH HOÀI ĐỨC	PVD8	09	1	4			66	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG THANH	PVD8	20	1	12	2	65	71	ANTOAN	Vietnamese
11	LÊ MẠNH THĂNG	PVD8	21	1	6			69	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THẠNH TÙNG	PVD8	19	1	11			72	ANTOAN	Vietnamese
13	MẠNH TRƯỜNG KHOA	PVD8	17-18	2	13			82	YTE	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN VINH PHÚC	SAVR	10	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ANH VŨ	SAVR	11	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TIẾN (12941)	SAVR	12	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	SAVR	13	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG VĂN THANH	SAVR	07-09	3	13			73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HẠM CHUNG	SAVR	03-04	2	18	2	31	68	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ HUY	SAVR	05	1	9	1	15	66	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	13	982	14	109	2	65	13+		CHUYEN 01 PAX PVD8-SAVR
2	SAVR	7	501	10	72	3	46	6		
TOTAL		20	1.483	24	181	5	111	19		
WEIGHT KG			1.483		181		111			

GRAND TOTAL: 1.775 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: NAU-1	TO: TD5 - PVD8	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM26/1016	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BACH ANH TUAN	TD5	85	1	6	3	45	67	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VU HUNG	TD5	86-87	2	13	1	6	67	KH-THAC	Vietnamese
3	TO TIEN DUNG	TD5	89	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG TRUNG HAU	TD5	88	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN XUAN HOA	TD5						70	PSV	Vietnamese
6	MOHD ZAIRUL BIN ZAHARI	PVD8	46-47	2	19			64	SCHLUMBE	Malaysian
7	LE HONG PHONG	PVD8	49	1	9			76	PVD DD	Vietnamese
8	PHAM VAN DUONG	PVD8	45	1	5			71	PVDO	Vietnamese
9	HO HOANG ANH	PVD8	41	1	5			90	PVDO	Vietnamese
10	NGUYEN THAC NGHIA	PVD8	43	1	4			67	PVDO	Vietnamese
11	LUONG QUOC DUNG	PVD8	44	1	3			69	PVDO	Vietnamese
12	BUI SY TRUONG	PVD8	53	1	6			59	PVDO	Vietnamese
13	NGUYEN HUU CUONG	PVD8	42	1	16			76	PVDO	Vietnamese
14	DO MANH LONG	PVD8	36	1	5			83	PVDO	Vietnamese
15	NGUYEN DUC VIET	PVD8	40	1	7			71	PVDO	Vietnamese
16	HO CAO THUONG	PVD8	39	1	9			81	PVDO	Vietnamese
17	TRUONG CONG DIEN	PVD8	37-38	2	9			74	PVDO	Vietnamese
18	TRAN VAN KIEN	PVD8	48	1	4			61	PVDO	Vietnamese
19	TRAN NGOC THANH DAN	PVD8	54-55	2	18			77	HALLIBUR	Vietnamese
20	PHAM QUANG VINH	PVD8	50	1	7			65	PVD LOGG	Vietnamese
21	NGUYEN VAN THUAN	PVD8	51-52	2	17			95	PVD LOGG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	5	348	5	29	4	51	5 + 1	Chuyển 1 pax TD5 → PVD	
2	PVD8	16	1.179	20	143	0	0	15		
TOTAL		21	1.527	25	172	4	51	20		
WEIGHT KG			1.527		172		51			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

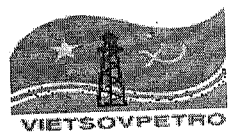
ĐẶNG THỦY ANH

CREW

LƯU THANH HẢI
HOÀNG ANH ĐỨC



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: VANG- 2	TO: PVD8	CREW: KHOÀN - N.CƯƠNG - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM26/1012	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM XUAN HUY	PVD8	62-63	2	17	1	30	83	PVD LOGGI	Vietnamese
2	HOANG NAM KHANH	PVD8	58-59	2	12	1	30	84	PVD LOGGI	Vietnamese
3	VU DUY KHANH	PVD8	71	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN CUONG	PVD8	64-65	2	8			87	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VIET TRUONG	PVD8				2	30	60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN QUANG PHUOC	PVD8	60	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
7	DAO DINH HUY	PVD8	73	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
8	TONG TRUNG HUY	PVD8	66	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
9	LUU VAN TUAN	PVD8	72	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH HAI	PVD8	99	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN THUY	PVD8	61	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG HAI HA	PVD8	98	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN QUANG	PVD8	57	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TIEN (11743)	PVD8	68-69	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN TRUNG KIEN	PVD8						72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH NHAN	PVD8	78	1	2			60	PVDO	Vietnamese
17	PHAM VAN CHUNG	PVD8	77	1	9			68	PVDO	Vietnamese
18	PHAM NGUYEN TRUNG KIEN	PVD8	79	1	11			94	PVDO	Vietnamese
19	MAI NGUYEN THE PHONG	PVD8	74-75	2	10			85	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HUU KHOI	PVD8	70	1	4			55	PSV	Vietnamese
21	ĐOAN VAN DU	PVD8	67	1	8			69	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN MANH	PVD8	76	1	9			74	PVDWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	22	1.603	25	156	4	90	20		
	TOTAL	22	1.603	25	156	4	90	20		
	WEIGHT KG		1.603		156		90			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯƠNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: TTC1 - P4 - MRM	CREW: NAM - NPHÚ - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM26/1008	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHUNG HA TAI	TTC1	91	1	6	1	16	110	KH-THAC	Vietnamese
2	VU HUNG TUAN	TTC1	92	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG THUY	TTC1	95	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	93	1	6			89	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TIẾN DŨNG	TTC1	94	1	9			69	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH DANH	TTC1	96-97	2	14			54	CODIEN	Vietnamese
7	VŨ ANH MINH	TTC1	89-90	2	20			76	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	88	1	7			75	PSV	Vietnamese
9	PHẠM QUANG HUY	P4	63-64	2	12	1	22	100	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN MẠNH CƯỜNG	P4	28-29	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN DƯƠNG	P4	60-61	2	13			84	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN NGỌC TUẤN ANH	P4	62	1	16			81	XAYLAP	Vietnamese
13	VORONOKHIN VITALII	MRM	60-61	2	10	3	42	95	AMHGP	Russian
14	SHCHETININ IVAN	MRM	62-63	2	15			79	AMHGP	Russian
15	GALIAKHMETOV AIDAR	MRM	66-67	2	10			90	AMHGP	Russian
16	BAROV VALERII	MRM	69-70	2	13			76	AMHGP	Russian
17	DVORETSKII NIKITA	MRM	64-65	2	14			89	AMHGP	Russian
18	PRADEDOVICH MIKHAIL	MRM	68	1	3			95	AMHGP	Russian
19	VŨ HUU TÂN	MRM	56	1	14			77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	8	612	10	70	1	16	5		
2	P4	4	341	7	58	1	22	0		
3	MRM	7	601	12	79	3	42	10		
TOTAL		19	1.554	29	207	5	80	15		
WEIGHT KG			1.554		207		80			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.
[Signature]
NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.
[Signature]
VŨ THỊ THU HUONG

CREW
[Signature]
TRẦN HỒNG NAM
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:58
B.CARD: TRANG-2	TO: BK15 - TTC2	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1015	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VU XUAN QUY	BK15	61	1	8			102	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC HAI	BK15	53	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
3	HA QUANG TRUNG	BK15	55	1	10	1	13	52	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TRONG TUAN	BK15	46-47	2	20	2	30	79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG BACH	BK15	54	1	10			61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DINH THANG	BK15	57	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC TUNG	BK15	100	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG KHA	BK15	58-59	2	17			76	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK15	99	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH QUANG	BK15	60	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SOAI	BK15	45	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC HUY	BK15	48	1	13	1	10	65	T-TIN	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC THĂNG	TTC2	14	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN THUC	TTC2	07	1	7			52	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRUONG AN	TTC2	06	1	9			86	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	15-16	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	TTC2	05	1	8	4	53	78	CODIEN	Vietnamese
18	DƯƠNG HỮU THUẬN	TTC2	03	1	8	3	50	65	CODIEN	Vietnamese
19	VŨ NGỌC HÙNG	TTC2	04	1	7			59	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THƯƠNG	TTC2	17	1	4			49	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK15	12	849	14	115	4	53	8		
2	TTC2	8	545	9	69	7	103	5		
TOTAL		20	1.394	23	184	11	156	13		
WEIGHT KG			1.394		184		156			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THI ÁNH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: NÂU-2	TO: BK21 - TD2	CREW: LHM - HUC - DUNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1017	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN ĐANG TUAN	BK21	27-28	2	13	1	16	73	KH-THAC	Vietnamese
2	LE TRUNG TUAN	BK21	31	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ĐUC DUNG	BK21	30	1	14			86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN THUAT	BK21	29	1	8			81	PSV	Vietnamese
5	DUONG CHI TUYEN	TD2				2	30	69	KH-THAC	Vietnamese
6	VAN MINH TAN	TD2	89	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN MINH QUAN	TD2	92	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN PHU	TD2	94	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO MINH HOANG	TD2	600	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH TUAN	TD2	90-91	2	13			58	KH-THAC	Vietnamese
11	VU ANH TUNG	TD2	87	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TUAN	TD2	96	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU TOAN	TD2						75	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI MANH KHANH CUONG	TD2	95	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC KHANH	TD2	97-98	2	13			86	YTE	Vietnamese
16	BUI THANH LONG	TD2	84	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CONG NAM	TD2	86	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM NGOC AN	TD2	85	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM VAN DOA	TD2	88	1	6			56	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN MINH TUAN	TD2	99	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUY HUNG	TD2	93	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK21	4	315	5	48	1	16	3		
2	TD2	17	1.222	17	97	2	30	18		
TOTAL		21	1.537	22	145	3	46	21		
WEIGHT KG			1.537		145		46			

GRAND TOTAL: 1.728 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN MAI PHI

CREW

LUU THANH HAI
HOANG ANH DUC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
B.CARD: XANH-3	TO:CTK3 - BK19 - TD2	CREW: XHOÀN - HTRUNG - THỤ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/1013	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN HOANG CHIẾN	CTK3	74-75	2	14	1	15	63	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3	68	1	10	1	12	67	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CHÂU	CTK3	70-72	3	20			66	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN DÂN	CTK3	73	1	10			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN KIỆU	CTK3	66-67	2	15			68	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	CTK3	78-79	2	15			59	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THANH	CTK3	76-77	2	7			58	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	PHẠM HOANG LONG	CTK3	80	1	3			81	NIPI	Vietnamese
9	VŨ BAO THANH	CTK3	82-83	2	16			84	NIPI	Vietnamese
10	ĐINH MẠNH ĐỨC	CTK3						70	SBAY	Vietnamese
11	KIEU MINH QUYẾT	CTK3	69	1	5			65	PSV	Vietnamese
12	TRẦN HUY THÔNG	TD2	15-16	2	6			80	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH HUÂN	TD2	17	1	5			49	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	TD2	21	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TRỌNG PHÚC	TD2	19	1	13			72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ĐỨC NGUYỄN	TD2	23	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ VĂN CHUNG	TD2	12	1	13			78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	TD2	20	1	6			68	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ KHẮC ĐÀ	TD2	18	1	6			64	PSV	Vietnamese
20	HOANG VĂN TRỌNG	TD2	22	1	4			98	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY KHANH	TD2	13	1	5			90	PSV	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC CƯỜNG (1967)	TD2	14	1	7			53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	11	749	17	115	2	27	2		Đội ca điều phái - Về: Phạm Hữu Tùng
2	BK19	0	0	0	0	0	0	3 + 1		CHUYỂN 1 PAX BK19-TD2
3	TD2	11	784	12	77	0	0	13		
TOTAL		22	1.533	29	192	2	27	18		
WEIGHT KG			1.533		192		27			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: PVD8 - P8	CREW: DUONG - SON - DTUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM26/1009	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE HOAI PHUOC	PVD8	82	1	14			82	PVDWS	Vietnamese
2	MAI HAI LONG	PVD8	85	1	8			72	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC TRUONG ANH	PVD8	87-88	2	10	4	65	93	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN DUC TOAN	PVD8	91	1	10	10	140	61	T-TIN	Vietnamese
5	PHAM HUY DINH	PVD8	92-93	2	20			62	T-TIN	Vietnamese
6	HOANG MANH HUNG	PVD8	84	1	5			85	GETRACO	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC HOC	PVD8	83	1	5			63	GETRACO	Vietnamese
8	DINH VAN MUOI	PVD8	74	1	5			66	GETRACO	Vietnamese
9	TANG MINH HIEU	PVD8	73	1	5			77	GETRACO	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN HONG	PVD8	80-81	2	9			82	GETRACO	Vietnamese
11	TRAN DINH THINH	PVD8	89-90	2	14			54	NHATHAU	Vietnamese
12	MAN DINH NHIEN	PVD8	75-76	2	17			76	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CUONG	PVD8	86	1	6			62	NHATHAU	Vietnamese
14	TRAN QUANG THO	PVD8	77	1	6			61	NHATHAU	Vietnamese
15	PHAM QUOC KIET	PVD8	78-79	2	9			55	NHATHAU	Vietnamese
16	NGUYEN NAM HUY	P8	92	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN VU	P8	88	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
18	LE XUAN TRUNG	P8	89	1	9			87	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	15	1.051	21	143	14	205	5		
2	P8	3	225	3	23	0	0	5		
TOTAL		18	1.276	24	166	14	205	10		
WEIGHT KG			1.276		166		205			

GRAND TOAL: 1.647 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
PHẠM THÁI SƠN

